

Số: 85/2013/NQ-HĐND

Pleiku, ngày 11 tháng 12 năm 2013

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quyết định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA X - KỶ HỌP THỨ SÁU (Từ ngày 09/12 đến ngày 11/12/2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của liên Bộ: Tài chính - Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 4062/TTr-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh về việc đề nghị thay thế Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX, kỳ họp thứ hai mươi về việc thông qua quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, nhất trí của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ sáu - HĐND tỉnh khóa X,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí với các nội dung cụ thể như sau:

1. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính bằng 5% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> (một mét khối) nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, áp dụng cho cả đối tượng tự khai thác nước sinh hoạt nơi có hệ thống cấp nước sạch.

Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ các đối tượng quy định tại Khoản 3, 4 và 5 Điều 2 Thông tư số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013) thì mức thu được xác định

theo từng người sử dụng nước, mức nước sạch sử dụng bình quân chung là 3m<sup>3</sup>/tháng/đầu người và giá bán 1m<sup>3</sup> (một mét khối) nước sạch trung bình tại xã, phường, thị trấn.

## 2. Tỷ lệ trích để lại:

- Đối với đơn vị cung cấp nước sạch: tỷ lệ trích để lại là 5% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí của đơn vị.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: tỷ lệ trích để lại là 15% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí của đơn vị.

## 3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2014

Căn cứ vào mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên, UBND tỉnh quyết định mức thu cụ thể cho từng địa bàn, từng đối tượng trên địa bàn tỉnh nhưng không vượt mức quy định của HĐND tỉnh.

Khi cần thiết phải thay đổi mức thu phí, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa IX, Kỳ họp thứ hai mươi về việc thông qua quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Những quy định trước đây trái với Nghị quyết này được bãi bỏ và không còn giá trị thực hiện.

## Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2013 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. /

### Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; VPQH;
- Thủ tướng CP; VPCP;
- Bộ Tài chính; Bộ KHĐT; Bộ TNMT;
- TT Tỉnh ủy; VP Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (đăng công báo);
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- CV Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-CTHD.

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Thu